

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 110/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật
và sản phẩm động vật thủy sản****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh thú y 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y,

này Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật thủy sản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Thú y, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định

Nguyễn Việt Thắng

DANH MỤC

đối tượng kiểm dịch Động vật thủy sản và sản phẩm Động vật thủy sản
(ban hành kèm theo Quyết định số 110/2008/QĐ-BNN ngày 12 tháng 11 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. TIÊU CHÍ

1. Đối với nhập khẩu: các bệnh nguy hiểm, có khả năng lây lan thành dịch có tên trong Danh mục mới nhất của OIE.

2. Đối với lưu thông trong nước: các bệnh nguy hiểm gây chết hàng loạt, có khả năng lây lan thành dịch đối với các loài nuôi phổ biến của Việt Nam.

B. DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
I. Bệnh cá			
Có trong Danh mục OIE			
I.1. Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu do EHNV (Epizootic haematopoietic necrosis)	Epizootic haematopoietic necrosis virus - EHNV	- Cá pecca vây đỏ - Cá hồi sông	Perca fluviatilis Oncorhynchus mykiss
I.2. Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu do IHNV (Infectious haematopoietic necrosis)	Infectious haematopoietic necrosis virus - IHNV	- Cá hồi sông - Cá hồi đỏ - Cá hồi vua - Cá hồi chó - Cá hồi masu - Cá hồi Amago	Oncorhynchus mykiss Oncorhynchus nerka Oncorhynchus tshawytscha Oncorhynchus keta Oncorhynchus masou Oncorhynchus rhodurus

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên Latinh
		- Cá hồi bạc - Cá hồi Đại Tây Dương	Oncorhynchus kisutch Salmo salar
I.3. Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (Spring viraemia of carp)	Spring viraemia of carp virus - SVCV	- Cá chép - Cá trắm cỏ - Cá mè trắng - Cá mè hoa - Cá diếc - Cá vàng - Cá tinca - Cá nheo	Cyprinus carpio Ctenopharyngodon idellus Hypophthalmichthys molitrix Aristichthys nobilis Carassius carassius Carassius auratus Tinca tina Silurus glanis
I.4. Bệnh nhiễm trùng xuất huyết do vi rút (Viral haemorrhagic septicaemia)	Viral haemorrhagic septicaemia virus- VHSV	- Cá hồi sông - Cá hồi nâu - Cá thymallus - Cá hồi trắng - Cá chó - Cá bơn - Cá trích - Cá hồi Thái Bình Dương - Cá tuyết Đại Tây Dương - Cá tuyết Thái Bình Dương - Cá efin - Cá tuyết	Oncorhynchus mykiss Salmo trutta Thymallus thymallus Coregonus spp Esox lucius Scophthalmus maximus Clupea spp. Oncorhynchus spp. Gadus morhua Gadus macrocephalus Gadus aeglefinus Onos mustelus
I.5. Hội chứng lở loét (Epizootic ulcerative syndrome)	Aphanomyces invadans	Các loài cá sống ở nước ngọt và cửa sông	

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
I.6. Bệnh do RSIV (Red seabream iridoviral disease)	Red seabream iridovirus (RSIV)	- Cá vược đỏ - Cá tráp đuôi vàng - Cá vược - Cá vẹt Nhật Bản - Cá mú (song)	Pagrus major Seriola quinqueradiata Lateolabrax spp Oplegnathus fasciatus Epinephelus spp
I.7. Bệnh do KHV (Koi herpesvirus disease)	Koi Herpesvirus (KHV)	Cá chép	Cyprinus carpio
I.8. Bệnh hoại huyết cá hồi (Infectious Salmon anaemia)	Infectious Salmon anaemia virus (ISAV)	Cá hồi	Salmonidae
I.9. Bệnh sán lá đơn chủ (Gyrodactylosis)	Gyrodactylus salaris	- Cá hồi Đại Tây Dương - Cá hồi sông - Cá hồi chấm - Cá hồi chấm Bắc Mỹ - Cá thymallus - Cá hồi chấm Bắc Mỹ - Cá hồi nâu	Salmo salar. Oncorhynchus mykiss Salvelinus alpinus Salvelinus fontinalis Thymallus thymallus Salvelinus namaycush Salmo trutta
Các bệnh không có trong Danh mục của OIE			

09609151

LawSoft * Tel: +84 8 3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
I.10. Bệnh hoại tử thần kinh (Viral nervous necrosis/ Viral encephalopathy and retinopathy)	Betanodavirus (VNN)	- Cá mú (song) - Cá vược (chêm)	Epinephelus spp Lates calcarifer
I.11. Bệnh xuất huyết do reovirus (Grass carp haemorrhagic disease)	Reovirus/ GCHV	- Cá trắm cỏ - Cá trắm đen	Ctenopharyngodon idellus Hyphophthalmichthys mobilis
I.12. Bệnh đốm trắng nội tạng (bệnh gan thận mũ) ở cá da trơn (Enteric septicaemia of catfish) BNP/ESC	Edwardsiella ictaluri	- Cá nheo Mỹ - Cá trê trắng - Cá ba sa - Cá tra	Ictalurus punctatus Clarias batrachus Pangasius bocourti Pangasianodon hypophthalmus
II. Bệnh nhuyễn thể			
Danh mục OIE			
II.1. Bệnh do virus gây chết ở Bào ngư (Abalone viral mortality)	Putative herpesvirus	Bào ngư	Haliotis spp
II.2. Bệnh do bào tử Bonamia exitiosa (Infection with Bonamia exitiosa)	Bonamia exitiosa	Hầu Newzealand Hầu Úc	Ostrea chilensis Ostrea angasi

09609151

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
II.3. Bệnh do bào tử <i>Bonamia ostreae</i> (Infection with <i>Bonamia ostreae</i>)	<i>Bonamia ostreae</i>	Hàu	<i>Ostrea spp</i>
II.4. Bệnh do <i>Perkinsus olseni</i> (Infection with <i>Perkinsus olseni</i>)	<i>Perkinsus olseni</i>	- Sò, ngao	- <i>Anadara trapezia</i> , <i>Austrovenus stutchburyi</i> , <i>Tapes decussatus</i> , <i>Tapes philippinarum</i> , <i>Pitar rostrata</i>
		- Hàu	- <i>Crassostrea gigas</i> , <i>Crassostrea ariakensis</i> , <i>Crassostrea sikamea</i>
		- Trai	- <i>Pinctada margaritifera</i> , <i>Pinctada martensii</i>
		- Bào ngư	- <i>Haliotis rubra</i> , <i>Haliotis laevigata</i> , <i>Haliotis scalaris</i> , <i>Haliotis cyclobates</i>
II.5. Bệnh do <i>Marteilia refringens</i> (Infection with <i>Marteilia refringens</i>)	<i>Marteilia refringens</i>	- Hàu - Vẹm	<i>Ostrea spp.</i> <i>Mytilus spp</i>
II.6. Bệnh do <i>Perkinsus marinus</i> (Infection with <i>Perkinsus marinus</i>)	<i>Perkinsus marinus</i>	Hàu	<i>Crassostrea virginica</i> <i>C. gigas</i> <i>C. ariakensis</i> <i>C. rhizophorae</i>

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
II.7. Bệnh do Xenohalotis californiensis (Infection with Xenohalotis californiensis)	Xenohalotis californiensis	Bào ngư	Haliotis spp
III. Các bệnh giáp xác			
Danh mục OIE			
III.1. Bệnh đốm trắng (White spot disease)	White spot syndrome virus (WSSV)	Tất cả các loài giáp xác 10 chân	
III.2. Hội chứng Taura (Taura syndrome)	Taura syndrome virus (TSV)	Tôm he	Penaeus spp
III.3. Bệnh đầu vàng (Yellow head disease - YHV/GAV)	- Yellowhead virus (YHV) - Gill- associated virus (GAV)	Tôm he	Penaeus spp
III.4. Bệnh MBV (Spherical baculovirus)	Monodon baculovirus (MBV)	Tôm sú	Penaeus monodon
III.5. Bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (Infectious hypodermal and haematopoetic necrosis - IHHN)	Infectious hypodermal and haematopoetic necrosis virus (IHNV)	- Tôm sú - Tôm chân trắng	Penaeus monodon Penaeus vannamei

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
III.6. Bệnh BV (Tetrahedral baculovirosis)	Nucleopoly- herdovirus (BP)	Các loài tôm he	Penaeus spp
III.7. Bệnh teo gan tụy (Hepatopancreatic parvovirus disease)	Hepatopan- creatic Parvovirus (HPV)	Tôm he	Penaeus spp
III.8. Bệnh trắng đuôi (White tail disease)	Macrobrachi- um rosenbergii Nodavirus (MrNV) Extra small virus (XSV)	Tôm càng xanh	Macrobrachium rosenbergii
III.9. Bệnh hoại tử gan tụy (Necrotising hepatopancreatitis)	Necrotising Hepatopan- creatitis (NHP)	Tôm he	Penaeus spp
III.10. Bệnh nấm ở tôm (Crayfish plague)	Aphanomyces astaci	- Tôm càng (white claw crayfish) - Tôm càng (Turkish crayfish) - Tôm càng (Noble crayfish)	Austropotamobius pallipes Astacus leptodactylus Astacus astacus
Các bệnh không có trong Danh mục OIE			

09609151

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
III.11. Bệnh hoại tử tuyến ruột giữa do Baculovirus (BMN- Baculoviral midgut gland necrosis)	BMN- Baculoviral midgut gland necrosis	Tôm sú	Penaeus monodon
IV. Bệnh lưỡng cư			
IV.1. Bệnh do ranavirus (Infection with ranavirus)	Ranavirus	Ếch	Rana spp
IV.2. Bệnh do Batrachochytrium dendrobatidis (Infection with Batrachochytrium dendrobatidis)	Batrachochy- trium dendrobatidis	Ếch	Rana spp

C. DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG KIỂM DỊCH LƯU THÔNG TRONG NƯỚC

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mắc cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
I. Bệnh cá			
Có trong Danh mục OIE			
I.1. Bệnh xuất huyết mùa xuân ở cá chép (Spring viraemia of carp)	Spring viraemia of carp virus - SVCV	<ul style="list-style-type: none"> - Cá chép - Cá trắm cỏ - Cá mè trắng - Cá mè hoa - Cá diếc - Cá vàng - Cá tinca - Cá nheo 	<p>Cyprinus carpio</p> <p>Ctenopharyngodon idellus</p> <p>Hypophthalmichthys molitrix</p> <p>Aristichthys nobilis</p> <p>Carassius carassius</p> <p>Carassius auratus</p> <p>Tinca tina</p> <p>Silurus glanis</p>
Các bệnh không có trong Danh mục của OIE			
I.2. Bệnh hoại tử thần kinh (Viral nervous necrosis/Viral encephalopathy and retinopathy)	Betanodavirus (NNV)	<ul style="list-style-type: none"> - Cá mú (song) - Cá vược (chẽm) 	<p>Epinephelus spp</p> <p>Lates calcarifer</p>
I.3. Bệnh xuất huyết do reovirus (Grass carp haemorrhagic disease)	Reovirus/ GCHV	<ul style="list-style-type: none"> - Cá trắm cỏ - Cá trắm đen 	

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
I.4. Bệnh đốm trắng nội tạng (bệnh gan thận mù) ở cá da trơn (Enteric septicaemia of catfish) BNP/ESC	Edwardsiella ictaluri	- Cá Nheo Mỹ - Cá trê trắng - Cá ba sa - Cá Tra	Ictalurus punctatus Clarias batrachus Pangasius bocourtii Pangasianodon hypophthalmus
II. Các bệnh giáp xác			
Danh mục OIE			
II.1. Bệnh đốm trắng (White spot disease)	White spot syndrome virus (WSSV)	Tất cả các loài giáp xác 10 chân	
II.2. Hội chứng Taura (Taura syndrome)	Taura syndrome virus (TSV)	Tôm he	Penaeus spp
II.3. Bệnh đầu vàng (Yellow head disease- YHV/GAV)	- Yellowhead virus (YHV) - Gill-associated virus (GAV)	Tôm he	Penaeus spp
II.4. Bệnh MBV (Spherical baculovirosis)	Monodon baculovirus (MBV)	Tôm sú	Penaeus monodon

09609151

Tên bệnh	Đối tượng kiểm dịch (Tác nhân gây bệnh)	Loài mẫn cảm	
		Tên tiếng Việt	Tên La tinh
II.5. Bệnh hoại tử dưới vỏ và cơ quan tạo máu (Infectious hypodermal and haematopoietic necrosis- IHHN)	Infectious hypodermal and haematopoietic necrosis virus (IHHNV)	- Tôm sú - Tôm chân trắng	Penaeus monodon Penaeus vannamei
II.6. Bệnh teo gan tụy (Hepatopancreatic parvovirus disease)	Hepatopancreatic Parvovirus (HPV)	Tôm he	Penaeus spp
II.7. Bệnh trắng đuôi (White tail disease)	Macrobrachium rosenbergii Nodavirus (MrNV) Extra small virus (XSV)	Tôm càng xanh	Macrobrachium rosenbergii
Các bệnh không có trong Danh mục OIE			
II.8. Bệnh hoại tử cơ (Infectious myonecrosis)	Infectious myonecrosis virus (IMNV).	Tôm chân trắng	Penaeus vannamei
II.9. Bệnh phát sáng	Vibrio harveyi, V.parahaemolyticus	- Tôm sú - Tôm chân trắng - Cua	Penaeus monodon P.vannamei Scylla spp

09609151

D. CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Được thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc theo quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập hoặc tùy theo tình hình dịch bệnh động vật ở trong nước và trên thế giới./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Việt Thắng